

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN
NĂNG LƯỢNG VINACONEX**



MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	14 - 37

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Năng lượng Vinaconex (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Khái quát về Công ty

Công ty là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 2800799804, đăng ký lần đầu ngày 18 tháng 5 năm 2004 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã được Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sau:

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh lần thứ nhất ngày 30 tháng 12 năm 2005 về việc bổ sung tên và địa chỉ văn phòng đại diện.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh lần thứ 2 ngày 02 tháng 8 năm 2007 về việc thay đổi vốn điều lệ.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh lần thứ 3 ngày 16 tháng 4 năm 2008 về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh lần thứ 4 ngày 12 tháng 7 năm 2010 về việc đổi tên và địa chỉ trụ sở chính.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh lần thứ 5 ngày 06 tháng 8 năm 2015 về việc đổi người đại diện theo pháp luật.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh lần thứ 6 ngày 29 tháng 07 năm 2016 về việc thay đổi vốn điều lệ.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Tầng 19 Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội
- Điện thoại : 046.2699988
- Fax : 046.2699977

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Đầu tư xây dựng các dự án thủy điện; sản xuất và kinh doanh điện năng; tư vấn xây lắp các công trình điện;
- Nhận thầu xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, cơ sở hạ tầng khác; xây dựng và kinh doanh nhà ở, văn phòng cho thuê;
- Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng; Kinh doanh khách sạn, du lịch;
- Dịch vụ cho thuê, sửa chữa, bảo dưỡng xe máy, thiết bị;
- Kinh doanh thiết bị xây dựng; Kinh doanh Bất động sản;
- Tư vấn đầu tư (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán); tư vấn quản lý dự án (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật);
- Thẩm tra các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, thủy điện;
- Khai thác quặng thiếc, quặng vonfram, quặng kim loại quý hiếm (Không bao gồm xuất khẩu vàng quặng nguyên liệu);
- Khai thác đất đá, cát sỏi, đất sét.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX.
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Vương Hoàng Minh	Chủ tịch	01 tháng 7 năm 2015	
Ông Nguyễn Tuấn Cường	Ủy viên	26 tháng 3 năm 2014	
Ông Thân Thế Hà	Ủy viên	26 tháng 3 năm 2014	
Ông Lê Văn An	Ủy viên	26 tháng 3 năm 2014	
Ông Vũ Đức Quang	Ủy viên	26 tháng 3 năm 2014	
Ông Phạm Bảo Long	Ủy viên	01 tháng 7 năm 2015	
Ông Phạm Huy Hùng	Ủy viên	01 tháng 4 năm 2017	
Ông Lã Minh Văn	Ủy viên	26 tháng 3 năm 2014	30 tháng 3 năm 2017

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Nguyễn Thị Kim Loan	Trưởng ban	26 tháng 3 năm 2014
Bà Nghiêm Quỳnh Chi	Thành viên	26 tháng 3 năm 2014
Bà Nguyễn Thị Phương Mai	Thành viên	26 tháng 3 năm 2014
Ông Vũ Văn Mạnh	Thành viên	26 tháng 3 năm 2014

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Phạm Bảo Long	Tổng Giám đốc	01 tháng 7 năm 2015
Ông Ngô Mạnh Cường	Phó Tổng Giám đốc	01 tháng 11 năm 2016

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Phạm Bảo Long - Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 07 năm 2015).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.


CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc, 



Phạm Bảo Long
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 01 năm 2018



**BAKER TILLY
A&C**

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.



Headquarters : 02 Trương Sơn St., Tân Bình Dist., Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970
Branch in Ha Noi : 40 Giang Võ St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang : 18 Trần Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 15-13 Võ Nguyễn Giáp St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 2.0073/18/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG
VINACONEX**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Năng lượng Vinaconex (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 30 tháng 01 năm 2018, từ trang 07 đến trang 37, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Năng lượng Vinaconex tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
Chi nhánh Hà Nội



Phạm Quang Huy - Phó Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1409-2018-008-1

Trần Kim Anh - Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1907-2018-008-1

Hà Nội, ngày 30 tháng 01 năm 2018

19/01/2018

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX

Địa chỉ: Tầng 19, Tòa nhà Vinaconex, số 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		108.365.883.811	136.823.420.204
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	6.277.830.941	36.918.134.539
1. Tiền	111		6.277.830.941	8.918.134.539
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	28.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	438.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	-	438.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		91.180.039.914	90.921.459.980
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	47.038.517.803	22.566.291.642
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	3.920.001.071	28.992.898.314
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	40.221.521.040	39.362.270.024
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		10.837.231.136	8.226.681.814
1. Hàng tồn kho	141	V.6	10.837.231.136	8.226.681.814
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		70.781.820	319.143.871
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	70.781.820	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	-	319.143.871
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX

Địa chỉ: Tầng 19, Tòa nhà Vinaconex, số 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.087.796.660.626	1.101.259.360.026
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		969.328.291.378	1.028.258.326.046
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	791.642.306.126	847.495.417.722
<i>Nguyên giá</i>	222		1.234.359.638.709	1.229.217.378.709
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(442.717.332.583)	(381.721.960.987)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	177.685.985.252	180.762.908.324
<i>Nguyên giá</i>	228		200.000.000.000	200.000.000.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(22.314.014.748)	(19.237.091.676)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		2.710.925.255	287.547.616
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	2.710.925.255	287.547.616
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		102.000.000.000	52.916.801.536
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2b	102.000.000.000	52.916.801.536
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		13.757.443.993	19.796.684.828
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	13.757.443.993	19.796.684.828
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.196.162.544.437	1.238.082.780.230

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX

Địa chỉ: Tầng 19, Tòa nhà Vinaconex, số 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		561.311.199.159	666.209.083.045
I. Nợ ngắn hạn	310		345.304.186.805	339.563.230.395
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	17.246.487.708	8.097.991.844
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	4.500.000.000	23.517.778.993
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	19.061.256.496	10.518.751.771
4. Phải trả người lao động	314		6.103.894.294	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	2.413.152.322	3.003.599.727
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15a	8.542.811.942	16.093.364.451
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16a	286.833.086.394	278.181.860.960
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.17	603.497.649	149.882.649
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		216.007.012.354	326.645.852.650
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.15b	204.687.945	204.687.945
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.16b	215.802.324.409	326.441.164.705
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX

Địa chỉ: Tầng 19, Tòa nhà Vinaconex, số 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D- NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		634.851.345.278	571.873.697.185
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.18a	634.851.345.278	571.873.697.185
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		455.999.950.000	455.999.950.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		455.999.950.000	455.999.950.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		178.851.395.278	115.873.747.185
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		42.953.754.685	115.873.747.185
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		135.897.640.593	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.196.162.544.437	1.238.082.780.230

Người lập biểu

Nguyễn Việt Hoàng

Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Bình

Lập, ngày 30 tháng 01 năm 2018



Phạm Bảo Long

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX

Địa chỉ: Tầng 19, Tòa nhà Vinaconex, số 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2017

Đơn vị tính: VNI

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	427.819.356.108	255.780.466.019
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		427.819.356.108	255.780.466.019
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	218.073.325.058	150.003.245.808
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		209.746.031.050	105.777.220.211
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.450.163.017	378.187.069
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	38.975.439.096	11.866.233.566
Trong đó: chi phí lãi vay	23		38.334.615.332	7.127.734.452
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	28.323.123.444	18.224.025.649
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		143.897.631.527	76.065.148.065
11. Thu nhập khác	31	VI.6	-	1.194.841.309
12. Chi phí khác	32	VI.7	48.127.129	26.294.051
13. Lợi nhuận khác	40		(48.127.129)	1.168.547.258
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		143.849.504.398	77.233.695.323
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.13	7.951.863.805	4.864.551.739
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>135.897.640.593</u>	<u>72.369.143.584</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.7	-	-
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.7	-	-

Người lập biểu

Nguyễn Việt Hoàng

Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Bình

Lập, ngày 30 tháng 01 năm 2018

Tổng Giám đốc



Phạm Bảo Long

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX

Địa chỉ: Tầng 19, Tòa nhà Vinaconex, số 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh		
		Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	143.849.504.398	77.233.695.323
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	64.072.294.668	64.036.910.312
- Các khoản dự phòng	03	-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04 VI.3	(104.427.236)	1.409.767.259
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05 VI.3	(1.149.974.667)	(168.368.317)
- Chi phí lãi vay	06 VI.4	38.334.615.332	7.127.734.452
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	245.002.012.495	149.639.739.029
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	60.563.937	(68.334.176.857)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(2.610.549.322)	2.363.325.391
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	1.998.780.749	18.125.827.045
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	5.968.459.015	(2.462.028.728)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(39.139.536.579)	(8.563.698.290)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15 V.13	(7.032.486.843)	(5.126.606.976)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17 V.17	(3.010.385.000)	(6.324.568.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	201.236.858.452	79.317.812.614
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(7.565.637.639)	(317.547.616)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	-	168.368.317
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(438.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24 V.2	438.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25 V.2	(49.083.198.464)	(15.983.198.465)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.149.974.667	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(55.060.861.436)	(16.570.377.764)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX

Địa chỉ: Tầng 19, Tòa nhà Vinaconex, số 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh		Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.16a	263.869.551.191	677.624.662.511
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.16a	(365.665.716.120)	(622.557.232.881)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(75.020.135.685)	(85.743.193.790)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>(176.816.300.614)</i>	<i>(30.675.764.160)</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(30.640.303.598)	32.071.670.690
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	36.918.134.539	4.846.463.849
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	6.277.830.941	36.918.134.539

Người lập biểu

Nguyễn Viết Hoàng

Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Bình

Lập, ngày 30 tháng 01 năm 2018

Tổng Giám đốc



Phạm Bảo Long

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX

Địa chỉ: Tầng 19 Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Năng lượng Vinaconex (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất và kinh doanh điện năng, dịch vụ, kinh doanh bất động sản.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất và kinh doanh điện năng, kinh doanh bất động sản.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Các công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Thủy điện Bái Thượng	Tầng 2, Khu quản lý điều hành các công trình Thủy điện, xã Cẩm Xuân, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Sản xuất kinh doanh điện năng	51%	51%	51%
Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh	Tầng 2, Khu quản lý điều hành các công trình Thủy điện, xã Cẩm Xuân, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Sản xuất kinh doanh điện năng	51%	51%	51%

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 138 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 138 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX

Địa chỉ: Tầng 19 Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với khoản vay có gốc ngoại tệ: tỷ giá do Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam thông báo.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX

Địa chỉ: Tầng 19 Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX

Địa chỉ: Tầng 19 Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc của công cụ dụng cụ: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước Công ty chủ yếu là chi phí thuê trụ sở, công cụ dụng cụ và chi phí sửa chữa tài sản cố định. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 2 năm.

Tiền thuê văn phòng trả trước

Tiền thuê văn phòng trả trước thể hiện khoản tiền thuê văn phòng đã trả mà Công ty đang sử dụng. Tiền thuê văn phòng trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê (174 tháng).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX

Địa chỉ: Tầng 19 Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

· Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 35
Máy móc và thiết bị	3 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 - 8
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3
Cây lâu năm	3

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,....

Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 65 năm.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

19
NH
NG
IÊN
NÀ
Đ
HÀ
A

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX

Địa chỉ: Tầng 19 Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

13. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

14. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán điện (thành phẩm)

Doanh thu bán thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý sản phẩm như người sở hữu sản phẩm hoặc quyền kiểm soát sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX

Địa chỉ: Tầng 19 Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

16. Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy, đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

17. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

18. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX

Địa chỉ: Tầng 19 Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	4.386.602.140	3.410.163.094
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.891.228.801	5.507.971.445
Các khoản tương đương tiền		28.000.000.000
<i>Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng</i>		<i>28.000.000.000</i>
Cộng	<u>6.277.830.941</u>	<u>36.918.134.539</u>

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>
<i>Ngắn hạn</i>				
Tiền gửi có kỳ hạn			438.000.000	438.000.000
Cộng			<u>438.000.000</u>	<u>438.000.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX

Địa chỉ: Tầng 19 Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con	102.000.000.000		52.916.801.536	
Công ty Cổ phần Thủy điện Bái Thượng ⁽ⁱ⁾	25.500.000.000		25.500.000.000	
Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh ⁽ⁱⁱ⁾	76.500.000.000		27.416.801.536	
Cộng	102.000.000.000		52.916.801.536	

- (i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2801952893 đăng ký thay đổi lần 1 ngày 06 tháng 06 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp, Công ty Cổ phần Thủy điện Bái Thượng có tổng vốn điều lệ 50.000.000.000 VND, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Thủy điện Bái Thượng 25.500.000.000 VND, tương đương 51% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư 25.500.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ cam kết góp.
- (ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2802200078 ngày 03 tháng 10 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh 76.500.000.000 VND, tương đương 51% vốn điều lệ. Trong năm, Công ty đã đầu tư thêm 49.083.198.464 VND. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư 76.500.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ cam kết góp.

Tình hình hoạt động của các công ty con

Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh hiện đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng, chưa đi vào hoạt động sản xuất, kinh doanh. Công ty Cổ phần Thủy điện Bái Thượng đã phát sinh doanh thu bán điện.

Giao dịch với các công ty con

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty con như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Thủy điện Bái Thượng (Bái Thượng)		
Góp vốn bằng tiền vào Bái Thượng		2.550.000.000
Doanh thu dịch vụ tư vấn quản lý dự án cung cấp cho Bái Thượng	1.646.781.820	1.403.271.947
Doanh thu cho Bái Thượng thuê văn phòng và thuê tài sản	209.553.330	231.456.000
Vay tiền của Bái Thượng	1.700.000.000	5.900.000.000
Chia cổ tức trên Công ty mẹ	1.020.000.000	
Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh (Xuân Minh)		
Góp vốn bằng tiền vào Xuân Minh	49.083.198.464	13.433.198.465
Doanh thu cho Xuân Minh thuê văn phòng và thuê tài sản	210.000.000	223.800.000
Doanh thu tư vấn giám sát	1.268.847.497	1.881.121.362
Vay tiền của Xuân Minh	17.000.000.000	28.900.000.000
Doanh thu xây lắp cho Xuân Minh	120.506.224.339	26.229.170.043

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX

Địa chỉ: Tầng 19 Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	3.470.707.040	937.057.192
Công ty Cổ phần Thủy điện Bái Thượng	938.730.000	937.057.192
Công ty Cổ phần Thủy Điện Xuân Minh	2.531.977.040	
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	43.567.810.763	21.629.234.450
Công ty Mua bán điện	43.527.810.763	21.593.567.248
Công ty TNHH Liên doanh Bon Việt Nam		5.667.202
Các khách hàng khác	40.000.000	30.000.000
Cộng	<u>47.038.517.803</u>	<u>22.566.291.642</u>

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	-	13.787.458.163
Tổng Công ty Cổ phần Cơ điện Xây dựng Nông nghiệp		3.742.669.900
Tổng Công ty Xây dựng Thủy lợi 4		10.044.788.263
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	3.920.001.071	15.205.440.151
Công ty Cổ phần Thép và Vật tư Công nghiệp	250.823.100	13.580.609.900
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Kính Vinaconex	539.409.223	
Công ty Cổ phần Lilama 10	938.877.148	1.179.345.600
Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Xây dựng Đá hoa cương Khôi Nguyên	814.607.464	
Công ty TNHH Giải pháp và Thiết bị Công nghiệp	661.377.805	
Các nhà cung cấp khác	714.906.331	445.484.651
Cộng	<u>3.920.001.071</u>	<u>28.992.898.314</u>

5. Phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	999.440.000		999.440.000	
Phụ cấp HĐQT, BKS	999.440.000		999.440.000	
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	39.222.081.040		38.362.830.024	
Công ty TNHH Kỹ thuật Thương mại BALKAN	1.000.000.000			
Thuế TNCN phải thu của CBCNV	397.059.712		397.059.712	
Phải thu Ngân hàng Phát triển Việt Nam về phí hỗ trợ lãi suất sau đầu tư	36.700.511.129		36.700.511.129	
Tạm ứng	809.910.325		683.207.275	
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	314.599.874		582.051.908	
Cộng	<u>40.221.521.040</u>		<u>39.362.270.024</u>	

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX

Địa chỉ: Tầng 19 Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công cụ, dụng cụ	8.801.001.136		8.226.681.814	
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	2.036.230.000			
Cộng	10.837.231.136		8.226.681.814	

7. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn

7a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	48.863.016	
Chi phí bảo hiểm	21.918.804	
Cộng	70.781.820	

7b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí thuê văn phòng	9.710.331.533	12.054.042.440
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ		910.748.241
Công cụ dụng cụ	4.047.112.460	6.173.498.431
Các chi phí trả trước dài hạn khác		658.395.716
Cộng	13.757.443.993	19.796.684.828

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cây lâu năm	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	679.583.671.830	539.379.344.926	9.116.193.834	1.108.168.119	30.000.000	1.229.217.378.709
Mua trong năm			4.181.400.000	960.860.000		5.142.260.000
Số cuối năm	679.583.671.830	539.379.344.926	13.297.593.834	2.069.028.119	30.000.000	1.234.359.638.709
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	157.267.000	975.278.615	4.112.163.298	761.097.122		6.005.806.035
Chờ thanh lý						
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	161.340.901.488	213.435.152.737	6.059.654.842	882.085.255	4.166.665	381.721.960.987
Khấu hao trong năm	23.924.452.185	35.967.073.944	985.996.601	107.848.870	9.999.996	60.995.371.596
Số cuối năm	185.265.353.673	249.402.226.681	7.045.651.443	989.934.125	14.166.661	442.717.332.583
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	518.242.770.342	325.944.192.189	3.056.538.992	226.082.864	25.833.335	847.495.417.722
Số cuối năm	494.318.318.157	289.977.118.245	6.251.942.391	1.079.093.994	15.833.339	791.642.306.126
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời chưa sử dụng						

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 784.295.436.402 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX

Địa chỉ: Tầng 19 Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**9. Tài sản cố định vô hình**

Là Quyền sử dụng đất có thời hạn:

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Hao mòn lũy kế</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
Số đầu năm	200.000.000.000	19.237.091.676	180.762.908.324
Tăng trong năm		3.076.923.072	
Giảm trong năm			(3.076.923.072)
Số cuối năm	200.000.000.000	22.314.014.748	177.685.985.252

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong năm</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
<i>Xây dựng cơ bản dở dang</i>	<i>287.547.616</i>	<i>2.423.377.639</i>	<i>-</i>	<i>2.710.925.255</i>
Công trình Thủy điện Xuân Mỹ	91.832.017	709.072.260		800.904.277
Công trình Thủy điện Xuân Khao	195.715.599	1.714.305.379		1.910.020.978
<i>Sửa chữa lớn tài sản cố định</i>		<i>914.699.969</i>	<i>(914.699.969)</i>	<i>-</i>
Cộng	287.547.616	3.338.077.608	(914.699.969)	2.710.925.255

11. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>7.753.691.704</i>	
Tổng Công ty Cơ điện Xây dựng - CTCP	5.820.705.245	
Tổng Công ty Xây dựng Thủy lợi 4 - CTCP	1.932.986.459	
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<i>9.493.996.004</i>	<i>8.097.991.844</i>
Chi cục di dân tỉnh Thanh Hóa	987.654.983	3.004.403.983
Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Toàn Thắng	5.243.127.842	4.937.112.714
Các nhà cung cấp khác	3.263.213.179	156.475.147
Cộng	17.247.687.708	8.097.991.844

12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>	<i>-</i>	<i>23.517.778.993</i>
Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh		23.517.778.993
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	<i>4.500.000.000</i>	<i>-</i>
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Kính Vinaconex	4.500.000.000	
Cộng	4.500.000.000	23.517.778.993

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX

Địa chỉ: Tầng 19 Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Phải nộp
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.902.238.991	-	31.185.934.315	(29.630.111.801)	3.458.061.505
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.142.297.823	-	7.951.863.805	(7.032.486.843)	6.061.674.785
Thuế thu nhập cá nhân	-	319.143.871	3.792.819.196	(2.419.358.715)	1.054.316.610
Thuế tài nguyên	1.964.886.937	-	36.073.179.321	(33.886.122.322)	4.151.943.936
Các loại thuế khác	-	-	4.000.000	(4.000.000)	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	1.509.328.020	-	9.631.726.234	(6.805.794.594)	4.335.259.660
Cộng	10.518.751.771	319.143.871	88.639.522.871	(79.777.874.275)	19.061.256.496

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho thu nhập từ hoạt động sản xuất và kinh doanh điện năng với thuế suất 10% trong 15 năm kể từ khi dự án đi vào hoạt động, được miễn thuế trong 04 năm kể từ khi có thu nhập từ dự án và giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo. Năm 2017 là năm thứ 4 Công ty được giảm 50% số thuế phải nộp.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	143.849.504.398	77.233.695.323
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	254.206.370	181.192.498
- Các khoản điều chỉnh tăng	254.206.370	181.192.498
- Các khoản điều chỉnh giảm		
Thu nhập chịu thuế	144.103.710.768	77.414.887.821
Thu nhập được miễn thuế	(1.020.000.000)	
Lỗi các năm trước được chuyển		
Thu nhập tính thuế	143.083.710.768	77.414.887.821
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chính hưởng ưu đãi	137.967.115.786	70.789.505.501
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chính không được hưởng ưu đãi	5.116.594.982	1.000.178.941
Thu nhập từ hoạt động khác		5.625.203.379
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	28.616.742.154	15.482.977.564
Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông	(13.796.711.579)	(7.078.950.550)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX

Địa chỉ: Tầng 19 Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm</i>	(6.898.355.789)	(3.539.475.275)
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</i>	7.921.674.786	4.864.551.739
<i>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước</i>	30.189.019	
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	7.951.863.805	4.864.551.739

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế tài nguyên

Trong giai đoạn từ tháng 1 đến tháng 11 năm 2017, Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác thủy điện với mức là: 1.622,01 VND /KWh x thuế suất (5%) x Sản lượng.

Từ tháng 12 năm 2017, áp dụng theo thông báo của Tập đoàn Điện lực, giá tính thuế tài nguyên là 1.720,65 VND/kWh.

Phí môi trường rừng

Công ty nộp phí môi trường rừng cho hoạt động khai thác thủy điện với mức 20 VND/KWh x Sản lượng, cho giai đoạn từ tháng 1 đến tháng 11 năm 2017 và mức 36 VND/kWh cho giai đoạn từ tháng 12 năm 2017, theo quy định tại Nghị định số 147/2016/NĐ-CP.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

14. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>		
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	2.413.152.322	3.003.599.727
Chi phí lãi vay phải trả	2.198.678.480	3.003.599.727
Chi phí thí nghiệm	214.473.842	
Cộng	2.413.152.322	3.003.599.727

15. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác**15a. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>		
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	8.542.811.942	16.093.364.451
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	8.538.310.725	15.448.143.910
Kinh phí công đoàn		7.576.541
Bảo hiểm y tế	4.501.217	
Các khoản phải trả ngắn hạn khác		637.644.000
Cộng	8.542.811.942	16.093.364.451

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX

Địa chỉ: Tầng 19 Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**15b. Phải trả dài hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>		
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	204.687.945	204.687.945
Nhận ký quỹ, ký cược	204.687.945	204.687.945
Cộng	204.687.945	204.687.945

16. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn**16a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay ngắn hạn bên liên quan</i>	39.634.000.000	28.754.000.000
Vay ngắn hạn Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh	39.434.000.000	22.434.000.000
Vay ngắn hạn Công ty Cổ phần Thủy điện Bái Thượng	-	5.000.000.000
Vay ngắn hạn bà Đinh Thái Hà	200.000.000	1.320.000.000
<i>Vay ngắn hạn ngân hàng</i>	49.534.940.475	56.399.745.626
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - Chi nhánh Thăng Long	-	22.000.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Ba Đình	14.914.564.956	12.257.854.837
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương (iii)	14.620.375.519	10.583.031.245
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nam	20.000.000.000	11.558.859.544
<i>Vay ngắn hạn các tổ chức khác</i>	-	17.600.000.000
Công ty Cổ phần Thép và vật tư công nghiệp	-	14.600.000.000
Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Toàn Thắng	-	3.000.000.000
<i>Vay ngắn hạn các cá nhân</i>	87.216.755.556	98.885.000.000
Bà Phan Thị Loan	5.000.000.000	11.466.000.000
Bà Phí Thu Trà	-	13.700.000.000
Bà Lê Thị An	15.000.000.000	10.000.000.000
Bà Đàm Thị Thúy Mùi	20.534.755.556	3.800.000.000
Bà Phạm Minh Hùng	10.000.000.000	7.209.000.000
Vay ngắn hạn các cá nhân khác	36.682.000.000	52.710.000.000
<i>Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh V.16.b)</i>	110.447.390.363	76.543.115.334
Bên liên quan (Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam)	39.447.390.363	39.543.115.334
Các ngân hàng	71.000.000.000	37.000.000.000
Cộng	286.833.086.394	278.181.860.960

(i) Khoản vay Công ty Cổ phần thủy điện Xuân Minh theo các Hợp đồng vay tiền, thời hạn vay 6 tháng, lãi suất 0%/năm và được phép gia hạn thêm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX

Địa chỉ: Tầng 19 Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (ii) Khoản vay không có tài sản đảm bảo của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Ba Đình theo từng hợp đồng vay để thanh toán tiền lương với thời hạn vay không quá 06 tháng.
- (iii) Khoản vay không có tài sản đảm bảo của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Chương Dương theo từng hợp đồng vay để thanh toán tiền thuê tài nguyên, phí dịch vụ thời hạn vay 06 tháng.
- (iv) Khoản vay của Ngân hàng TMCP Ngoại thương – Chi nhánh Hà Nam theo hợp đồng vay số 81/16/HDHM/5C96 ngày 28 tháng 6 năm 2016, giá trị hạn mức là 20 tỷ, bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, thời hạn vay 06 tháng.
- (v) Khoản vay không có tài sản đảm bảo của các cá nhân để bổ sung vốn lưu động với lãi suất 8%/năm, thời hạn vay 06 tháng.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn bên liên quan	28.754.000.000	19.200.000.000		(8.320.000.000)	39.634.000.000
Vay ngắn hạn ngân hàng	56.399.745.626	106.904.795.635		(113.769.600.786)	49.534.940.475
Vay ngắn hạn các tổ chức khác	17.600.000.000	3.000.000.000		(20.600.000.000)	-
Vay ngắn hạn các cá nhân	98.885.000.000	134.764.755.556		(146.433.000.000)	87.216.755.556
Vay dài hạn đến hạn trả	76.543.115.334	-	110.447.390.363	(76.543.115.334)	110.447.390.363
Cộng	278.181.860.960	263.869.551.191	110.447.390.363	(365.665.716.120)	286.833.086.394

16b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Vay dài hạn phải trả các bên liên quan</i>	<i>39.447.386.284</i>	<i>79.086.226.580</i>
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam ⁽ⁱ⁾	39.447.386.284	79.086.226.580
<i>Vay dài hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>176.354.938.125</i>	<i>247.354.938.125</i>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương ⁽ⁱⁱ⁾	176.354.938.125	247.354.938.125
Cộng	215.802.324.409	326.441.164.705

- (i) Khoản vay thông qua Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (Tổng Công ty Vinaconex) với Ngân hàng BNP Paribas. Theo đó, Tổng Công ty Vinaconex đứng ra vay Ngân hàng BNP Paribas theo các hợp đồng số 27/CD-VNN/2006 với hạn mức là 15.555.000 USD, mục đích để thanh toán nhập khẩu máy móc thiết bị cho Nhà máy Thủy điện Cửa Đạt và Hợp đồng số 28/CD-VNN/2006 ngày 10/10/2006 với hạn mức là 2.500.000 USD để thanh toán phí bảo hiểm tín dụng và lãi vay. Công ty ký hợp đồng vay lại của Tổng Công ty Vinaconex số tiền trên, lần lượt theo các Hợp đồng cho vay lại vốn số 01/HĐTĐ-VC-TĐCĐ ngày 12/10/2006 và số 02/HĐTĐ-VC-TĐCĐ ngày 12/10/2006. Thời hạn cho vay là 13 năm, ân hạn trả nợ gốc là 3 năm; lãi suất cho vay áp dụng theo Hợp đồng số 01/HĐTĐ-VC-TĐCĐ là lãi suất LIBOR USD kỳ hạn 6 tháng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX

Địa chỉ: Tầng 19 Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

+0,7%/năm và Hợp đồng số 02/HĐTD-VC-TĐCĐ là lãi suất LIBOR USD 6 tháng +1,85%/năm, kỳ hạn thanh toán gốc và lãi của khoản vay là 6 tháng/lần.

- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương để tái tài trợ khoản vay dài hạn của Bên vay tại 4 tổ chức tín dụng: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Nam Hà Nội, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Hà Nội; Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Thanh Hóa, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thanh Hóa mà bên vay vốn để đầu tư xây dựng Nhà máy thủy điện Cửa Đạt, thời hạn vay đến ngày 25 tháng 05 năm 2020, thời gian ân hạn là 0 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất cho vay tại thời điểm ký hợp đồng là 7,5%/năm và có giá trị trong vòng 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Trong vòng 02 năm tiếp theo sẽ áp dụng lãi suất thả nổi được xác định bằng lãi suất tiết kiệm 12 tháng cộng biên độ tối thiểu 2,5%/năm. Các năm còn lại sẽ áp dụng lãi suất thả nổi được xác định bằng lãi suất tiết kiệm 12 tháng cộng biên độ tối thiểu 2,7%/năm.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	<u>Tổng nợ</u>	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>
Số cuối năm				
Vay dài hạn ngân hàng	247.354.938.125	71.000.000.000	176.354.938.125	
Vay dài hạn các tổ chức khác	78.894.776.647	39.447.390.363	39.447.386.284	
Cộng	326.249.714.772	110.447.390.363	215.802.324.409	
Số đầu năm				
Vay dài hạn ngân hàng	284.354.938.125	37.000.000.000	247.354.938.125	
Vay dài hạn các tổ chức khác	118.629.341.914	39.543.115.334	79.086.226.580	
Cộng	402.984.280.039	76.543.115.334	326.441.164.705	

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Kết chuyển vay dài hạn đến hạn trả</u>	<u>Giảm do CLTG</u>	<u>Số cuối năm</u>
Vay dài hạn ngân hàng	247.354.938.125	(71.000.000.000)		176.354.938.125
Vay dài hạn các tổ chức khác	79.086.226.580	(39.447.390.363)	(191.449.933)	39.447.386.284
Cộng	326.441.164.705	(110.447.390.363)	(191.449.933)	215.802.324.409

17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số đầu năm	149.882.649	460.652.649
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	3.464.000.000	4.440.868.000
Chi quỹ	(3.010.385.000)	(4.751.638.000)
Số cuối năm	603.497.649	149.882.649

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX

Địa chỉ: Tầng 19 Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

18. Vốn chủ sở hữu

18a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	455.999.950.000	146.798.395.101	602.798.345.101
Lợi nhuận trong năm trước		72.369.143.584	72.369.143.584
Chia cổ tức, lợi nhuận		(97.279.993.500)	(97.279.993.500)
Trích lập các quỹ		(4.440.868.000)	(4.440.868.000)
Thù lao HĐQT, BKS		(1.572.930.000)	(1.572.930.000)
Số dư cuối năm trước	455.999.950.000	115.873.747.185	571.873.697.185
Số dư đầu năm nay	455.999.950.000	115.873.747.185	571.873.697.185
Lợi nhuận trong năm nay		135.897.640.593	135.897.640.593
Chia cổ tức, lợi nhuận		(68.399.992.500)	(68.399.992.500)
Trích lập các quỹ		(3.464.000.000)	(3.464.000.000)
Thù lao HĐQT, BKS		(1.056.000.000)	(1.056.000.000)
Số dư cuối năm nay	455.999.950.000	178.851.395.278	634.851.345.278

18b. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	45.599.995	45.599.995
Số lượng cổ phiếu đã phát hành		
- Cổ phiếu phổ thông	45.599.995	45.599.995
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	45.599.995	45.599.995

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

Ngày 26 tháng 12 năm 2017, Đại hội đồng cổ đông Công ty đã tiến hành họp bất thường và ra Nghị quyết số 02/2017/NQ-ĐHCĐBT về việc thông qua kế hoạch tăng vốn điều lệ của Công ty thông qua hình thức chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu (9.119.999 cổ phần) và cho người lao động theo chương trình ESOP (2.279.999 cổ phần). Tổng số dự kiến phát hành là 11.399.998 cổ phần, tương ứng số vốn huy động thêm 113.999.980.000 VND.

18c. Phân phối lợi nhuận

Trong năm Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên số 01/2017/NQ-ĐHCĐ ngày 30 tháng 3 năm 2017 như sau:

	VND
• Chia cổ tức cho các cổ đông	: 68.399.992.500
• Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	: 3.464.000.000
• Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	: 1.056.000.000

19. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm 7,13 USD (số đầu năm là 13,07 USD).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX

Địa chỉ: Tầng 19 Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán điện	302.882.687.934	211.596.706.946
Doanh thu cung cấp dịch vụ	4.430.443.835	3.949.489.256
Doanh thu kinh doanh bất động sản phân lô bán nền		13.898.339.683
Doanh thu hợp đồng xây dựng	120.506.224.339	26.335.930.134
Cộng	<u>427.819.356.108</u>	<u>255.780.466.019</u>

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty con được trình bày ở thuyết minh số V.2c, Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty con.

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn bán điện	98.253.251.866	111.444.690.114
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	4.331.609.987	3.580.971.786
Chi phí kinh doanh bất động sản phân lô bán nền		12.263.876.988
Giá vốn hợp đồng xây dựng	115.488.463.205	22.713.706.920
Cộng	<u>218.073.325.058</u>	<u>150.003.245.808</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	53.783.176	47.500.806
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	129.974.667	
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.020.000.000	
Lãi CLTG phát sinh	141.977.938	330.686.263
Lãi CLTG do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	104.427.236	
Cộng	<u>1.450.163.017</u>	<u>378.187.069</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	38.334.615.332	41.127.734.452
Hỗ trợ lãi suất sau đầu tư	-	(34.000.000.000)
Lỗ CLTG phát sinh	41.845.319	94.920.755
Lỗ CLTG do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	1.409.767.259
Chi phí tài chính khác	598.978.445	3.233.811.100
Cộng	<u>38.975.439.096</u>	<u>11.866.233.566</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX

Địa chỉ: Tầng 19 Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	14.333.568.584	8.007.510.023
Chi phí vật liệu quản lý	108.074.048	83.680.611
Chi phí đồ dùng văn phòng	103.088.695	989.408.015
Chi phí khấu hao tài sản cố định	706.258.049	656.103.909
Thuế, phí và lệ phí	33.312.532	34.613.818
Các chi phí khác	14.333.568.584	8.452.709.273
Cộng	<u>28.323.123.444</u>	<u>18.224.025.649</u>

6. Chi phí khác

Là khoản thuế bị phạt, bị truy thu.

7. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	65.520.446.247	9.188.037.744
Chi phí nhân công	37.825.300.387	23.599.854.686
Chi phí khấu hao tài sản cố định	64.072.294.668	64.036.910.307
Chi phí dịch vụ mua ngoài	59.685.758.325	38.809.468.857
Chi phí khác	19.292.648.875	32.592.999.863
Cộng	<u>246.396.448.502</u>	<u>168.227.271.457</u>

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Ban Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt. Giao dịch khác trong năm chỉ có giao dịch về khoản đi vay ngắn hạn với cá nhân có liên quan – Bà Đinh Thái Hà là vợ của Tổng Giám đốc Công ty với số tiền là 500.000.000 VND (số của năm trước là 3.220.000.000 VND). Lãi suất 8%/năm và số lãi vay đã thanh toán trong năm 54.560.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX

Địa chỉ: Tầng 19 Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt. Công nợ với cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt (bà Đinh Thái Hà) được trình bày tại thuyết minh số V.16a.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương	1.745.395.238	1.285.389.565
Phụ cấp	481.305.238	112.000.000
Cộng	<u>2.226.700.476</u>	<u>1.397.389.565</u>

1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan khác</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	Cổ đồng góp vốn
Tổng Công ty Sông Đà	Cổ đồng góp vốn
Tổng Công ty Xây dựng Thủy lợi 4	Cổ đồng góp vốn
Tổng Công ty Cổ phần Cơ điện Xây dựng Nông nghiệp	Cổ đồng góp vốn
Công ty Cổ phần Thủy điện Bái Thượng	Công ty con
Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh	Công ty con

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty con đã được trình bày ở thuyết minh số V.2c, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng Công ty Cổ phần Cơ điện Xây dựng Nông nghiệp		
Tạm ứng thực hiện gói thầu xây dựng	4.242.669.900	3.742.669.900
Thanh toán giá trị khối lượng xây lắp hoàn thành	19.925.512.225	
Tổng Công ty Xây dựng Thủy lợi 4		
Thanh toán giá trị khối lượng xây lắp hoàn thành	41.371.522.600	
Tạm ứng thực hiện hợp đồng thi công xây lắp		10.044.788.263
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam		
Phải trả phí bảo lãnh khoản vay		709.120.409
Phải trả chi phí lãi vay	38.334.615.332	5.046.129.651
Trả nợ gốc vay	39.491.263.013	39.073.192.749

Công nợ của các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.5, V.12.

2. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX

Địa chỉ: Tầng 19 Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh**

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực kinh doanh điện
- Lĩnh vực xây dựng

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	<u>Lĩnh vực kinh doanh điện</u>	<u>Lĩnh vực xây dựng</u>	<u>Các lĩnh vực khác</u>	<u>Cộng</u>
Năm nay				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	302.882.687.934	120.506.224.339	4.430.443.835	427.819.356.108
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận				
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	302.882.687.934	120.506.224.339	4.430.443.835	427.819.356.108
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	204.629.436.068	5.017.761.134	98.833.848	209.746.031.050
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				28.323.123.444
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				181.422.907.606
Doanh thu hoạt động tài chính				1.450.163.017
Chi phí tài chính				38.975.439.096
Thu nhập khác				48.127.129
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				7.951.863.805
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				135.897.640.593
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	804.425.898			804.425.898
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	68.240.594.367		157.769.401	68.398.363.768
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)				

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX

Địa chỉ: Tầng 19 Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm trước				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	211.596.706.946	26.335.930.134	17.847.828.939	255.780.466.019
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận				
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	211.596.706.946	26.335.930.134	17.847.828.939	255.780.466.019
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	100.152.016.832	3.622.223.214	2.002.980.165	105.777.220.211
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				18.224.025.649
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				87.553.194.562
Doanh thu hoạt động tài chính				378.187.069
Chi phí tài chính				11.866.233.566
Thu nhập khác				1.194.841.309
Chi phí khác				26.294.051
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				4.864.551.739
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				72.369.143.584
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	7.176.801.293			7.176.801.293
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	67.073.485.658			67.073.485.658
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)				
Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:				
	Lĩnh vực kinh doanh điện	Lĩnh vực xây dựng	Các lĩnh vực khác	Cộng
Số cuối năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	43.527.810.763	2.531.977.040		46.059.787.803
Tài sản phân bổ cho bộ phận				
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				1.150.102.756.634
Tổng tài sản				1.196.162.544.437

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX

Địa chỉ: Tầng 19 Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Lĩnh vực kinh doanh điện	Lĩnh vực xây dựng	Các lĩnh vực khác	Cộng
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận				
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận				
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				
Tổng nợ phải trả				561.311.199.159
				561.311.199.159
Số đầu năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	21.593.567.248			21.593.567.248
Tài sản phân bổ cho bộ phận				
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				
Tổng tài sản				1.216.489.212.982
				1.238.082.780.230
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận				
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận		23.517.778.993		23.517.778.993
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				
Tổng nợ phải trả				642.691.304.052

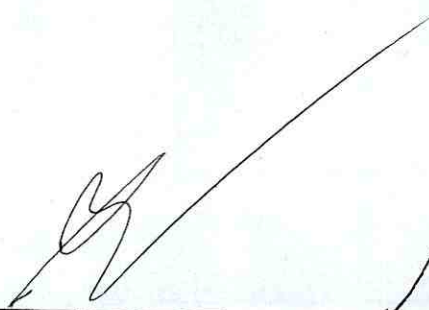
2b. Thông tin về khu vực địa lý


Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.


3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 30 tháng 01 năm 2018


Nguyễn Việt Hoàng
Người lập biểu


Nguyễn Văn Bình
Kế toán trưởng


Phạm Bảo Long
Tổng Giám đốc

